

Số: 2161 /QĐ-UBND

Thái Bình, ngày 16 tháng 12 năm 2024

### QUYẾT ĐỊNH

Công bố Danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Bình

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 về kiểm soát thủ tục hành chính; số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 239/TTr-SNNPTNT ngày 09/12/2024.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 11 (mười một) thủ tục hành chính được chuẩn hóa trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

**Điều 2.** Nội dung chi tiết các thủ tục hành chính này thực hiện theo các Quyết định công bố thủ tục hành chính của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Danh mục từng thủ tục (có Phụ lục kèm theo).

**Điều 3.** Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính; xây dựng, ban hành quy trình nội bộ, quy trình chi tiết các thủ tục hành chính tại Điều 1 Quyết định này; phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 820/QĐ-UBND ngày 29/5/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

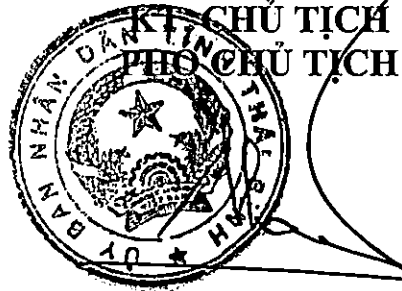


**Điều 5.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *Tung*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử của tỉnh;
- Lưu: VT, NCKS.

*Tung*



**Lại Văn Hoàn**





**Phụ lục**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC CHUẨN HÓA TRONG LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI BÌNH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 216A/QĐ-UBND ngày 16/12/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình)

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
<b>I. LĨNH VỰC KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG VÀ KHUYẾN NÔNG</b>					
1.	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích	03 ngày	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp xã	Không	Quyết định số 3480/QĐ-BNN-KHCN ngày 01/9/2020; số 4990/QĐ-BNN-VP ngày 22/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
<b>II. LĨNH VỰC KHUYẾN NÔNG</b>					
1.	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (cấp xã)	60 ngày		Không	Quyết định số 2519/QĐ-BNN-KHCN ngày 29/6/2018; số 4990/QĐ-BNN-VP ngày 22/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
<b>III. LĨNH VỰC PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI</b>					
1.	Đăng ký kê khai số lượng chăn nuôi tập trung và nuôi trồng thủy sản ban đầu	07 ngày	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp xã	Không	Quyết định số 3499/QĐ-BNN-PCTT ngày 11/9/2019; số 4990/QĐ-BNN-VP ngày 22/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
2.	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh	15 ngày		Không	
3.	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai	15 ngày		Không	
4.	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao	30 ngày	Bộ phận tiếp nhận và trả kết	Không	Quyết định số 3461/QĐ-BNN-PCTT ngày 04/8/2021; số 4990/QĐ-BNN-



Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội		quả thuộc UBND cấp xã		VP ngày 22/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
5.	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội	25 ngày		Không	
<b>IV.</b>	<b>LĨNH VỰC THỦY LỢI</b>				
1.	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)	07 ngày	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp xã	Không	Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL ngày 29/6/2018; số 4990/QĐ-BNN-VP ngày 22/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
2.	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã.	20 ngày		không	Quyết định số 4638/QĐ-BNN-TCTL ngày 22/11/2018; số 4990/QĐ-BNN-VP ngày 22/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
<b>V</b>	<b>LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT</b>				
1.	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa	05 ngày	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp xã	Không	Quyết định 3085/QĐ- BNN- TT ngày 13/9/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
	<b>LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP</b>				



Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Quyết định giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư	50 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	Không	Quyết định số 2490/QĐ-BNN-LN ngày 19/7/2024

